

NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ VỀ TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC DÂN SỰ THƯƠNG MẠI

1. Thực trạng về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại

Việc tương trợ tư pháp nói chung và tương trợ tư pháp về dân sự, thương mại nói riêng được thực hiện chủ yếu trên cơ sở điều ước quốc tế song phương hoặc đa phương hoặc theo nguyên tắc có đi có lại. Việc thực hiện điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp có thể thông qua việc nội luật hóa hay áp dụng trực tiếp. Do đó, một trong những lĩnh vực văn bản pháp luật chịu tác động rõ nét nhất của hội nhập quốc tế là lĩnh vực pháp luật tương trợ tư pháp về dân sự thương mại.

Đối với Việt Nam, điều ước quốc tế tương trợ tư pháp về dân sự, thương mại là điều ước quốc tế giữa Việt Nam và nước ngoài về các hoạt động tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại, triệu tập người làm chứng giám định, thu thập và cung cấp chứng cứ cũng như các yêu cầu khác về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại (Luật tương trợ tư pháp năm 2007, Bộ luật Tổ tụng dân sự hiện hành).

Trong giai đoạn trước khi hội nhập sâu rộng (năm 1986), Việt Nam chủ yếu phát triển hợp tác về tương trợ tư pháp với các nước thuộc khối xã hội chủ nghĩa. Theo đó, ở thời kỳ này, Việt Nam chủ yếu phát triển hợp tác về tương trợ tư pháp, bao gồm cả hiệp định tương trợ tư pháp có quy định về tương trợ trong lĩnh vực dân sự, thương mại với Liên Xô cũ và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, Cuba.

Từ năm 1986, cùng với việc hội nhập quốc tế, tương trợ tư pháp về dân sự thương mại giữa Việt Nam và các quốc gia khác cũng bắt đầu có những khởi sắc. tuy vậy, trong một thời gian khá dài, lĩnh vực tương trợ tư pháp dân sự, thương mại hầu như pháp luật trong nước không điều chỉnh¹, mà chủ yếu áp dụng.

Áp dụng trực tiếp các hiệp định được ký kết giữa Việt Nam các quốc gia khác ví dụ: Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình

¹ Trước khi có luật tương trợ tư pháp năm 2007, pháp luật trong nước chỉ có thông tư liên Bộ số 139/TT-LB của bộ tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, tòa án nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao ngày 12-3-1984 về việc thi hành hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự đã ký với nước ta với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa là điều chỉnh trực tiếp việc tương trợ tư pháp sau đó, năm 2004 Việt Nam ban hành Bộ luật tổ tụng dân sự trong đó có một số điều chỉnh về tương trợ tư pháp.

sự giữa Việt Nam và Bungari năm 1987, Hiệp định tương trợ tư pháp về vấn đề dân sự tư pháp, gia đình, lao động và hình sự giữa Việt Nam và Cuba năm 1985, Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự giữa Việt Nam và nước Cộng hòa Pháp năm 1999 v.v...

Trước nhu cầu về tương trợ tư pháp về dân sự, thương mại trong thời kỳ hội nhập quốc tế năm 2004 Quốc hội thông qua bộ luật tổ tụng dân sự, trong đó có quy định về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự thương mại (Luật này được sửa đổi bổ sung năm 2011). Ngày 02-11/2007, Quốc hội ban hành Luật tương trợ tư pháp một dấu mốc quan trọng trong phát triển của lĩnh vực pháp luật về tương trợ tư pháp. Luật tương trợ tư pháp năm 2007 tiếp tục phát triển các nguyên tắc và quy định về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại được quy định trong bộ luật tổ tụng dân sự năm 2004 sửa đổi bổ sung năm 2011, phù hợp với hiến pháp đặc biệt là đã nội lực hóa các quy định của điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên quốc gia khác. Tại Điều 3 và Điều 4 của luật tương trợ tư pháp năm 2007 ghi nhận áp dụng quy tắc có đi có lại trong tương trợ tư pháp trên cơ sở không được trái với pháp luật Việt Nam pháp luật và tập quán quốc tế.

Như vậy, do nhu cầu về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực luật điều chỉnh về vấn đề này đã có những bước phát triển nhất định. Cho đến nay tương trợ tư pháp về dân sự thương mại được quy định tập trung tại Bộ luật tổ tụng dân sự năm 2004 sửa đổi bổ sung năm 2011, Luật tương trợ tư pháp năm 2007 và các văn bản hướng dẫn hai văn bản này.

Bộ luật tổ tụng dân sự năm 2004 sửa đổi bổ sung năm 2011 quy định tương trợ tư pháp về dân sự tại Phần thứ 9 Chương XXXVI (từ Điều 411 đến Điều 418) Tại luật tương trợ tư pháp năm 2007 ngoài các quy định liên quan khác về tương trợ tư pháp nói chung và tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại nói riêng. Luật tương trợ tư pháp chỉ liệt kê phạm vi của hoạt động tương trợ tư pháp về dân sự triệu tập người làm chứng, người giám định, thu thập cung cấp chứng cứ và các yêu cầu tương trợ tư pháp khác về dân sự. Tuy vậy khái niệm dân sự được hiểu trong các văn bản pháp luật trên được tiếp cận theo nghĩa rộng, phù hợp với xu thế chung của các quốc gia trên thế giới, theo đó gồm cả thương mại lao động hôn nhân và gia đình. Cùng với đó, các nguyên tắc điều kiện thủ tục và quy trình tương trợ tư pháp về dân sự, thương mại cũng đảm bảo thuận lợi, phù hợp chung với xu thế hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên, trước yêu cầu về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay thì các quy định pháp luật hiện hành điều chỉnh vấn đề này tỏ ra khá bất cập. Liên quan đến tương trợ tư pháp nói chung và tương trợ tư pháp dân sự, thương mại, hiện nay không có khái niệm rõ ràng được quy định trong pháp luật Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2011 của quy định nguyên tắc tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự theo nghĩa rộng và vấn đề về ủy thác tư pháp. Luật tương trợ tư pháp năm 2007 đang điều chỉnh cả bốn lĩnh vực của tương trợ tư pháp gồm: tương trợ tư pháp về dân sự, tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù. Các quy định về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại của Luật tương trợ tư pháp năm 2007 lại sơ sài thậm chí không xác định rõ tương trợ dân sự, thương mại là gì mà liệt kê phạm vi không thực sự cụ thể liên quan đến tương trợ tư pháp về dân sự theo nghĩa rộng. Nhiều nội dung chưa rõ ràng thực hiện trên thực tế và cũng không được sử lý trong quy định của pháp luật chẳng hạn như vấn đề về công nhân, cho thi hành quyết định bản án của trọng tài nước ngoài. Cho đến nay, hai nội dung này cũng chưa được xác định rõ ràng có thuộc phạm vi của tương trợ tư pháp hay không.

Các quy định pháp luật tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành và các văn bản pháp luật khác liên quan chưa tính hết yếu tố đặc thù của các vụ việc có yếu tố nước ngoài cần ủy thác tư pháp. Hiện nay, quy trình, thời hạn tố tụng để giải quyết vụ việc có yếu tố nước ngoài vẫn được áp chung như với các vụ việc trong nước trong khi yêu cầu ủy thác tư pháp thường làm thời gian tố tụng trong nước kéo dài hơn (có khi đến hàng năm), kết quả ủy thác tư pháp nhiều khi không được đảm bảo, làm cho các cơ quan tổ chức và cá nhân có liên quan gặp lúng túng trong quá trình thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp và tiến hành tố tụng. Ví dụ: Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành không có quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử đối với các việc có yêu cầu ủy thác tư pháp việc xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khi Tòa án không nhận được kết quả thực hiện ủy thác tư pháp hoặc yêu cầu ủy thác tư pháp không thể thực hiện được hay quyền kháng cáo của đương sự ở nước ngoài trong trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt họ. Bên cạnh đó, Luật thi hành án dân sự hiện hành cũng thiếu các quy định về căn cứ xử lý tài sản và biện pháp xử lý tài sản khi người phải thi hành án ở nước ngoài. Do đó để hoạt động ủy thác tư pháp phục vụ thiết thực và hiệu quả cho hoạt động tố tụng trong nước cũng phải được hoàn thiện, có tính

đến những yêu cầu đặc thù của các vụ việc có yêu cầu ủy thác tư pháp để đảm bảo sự thống nhất đồng bộ phù hợp với thực tế và khả thi

Ngoài ra hoạt động ủy thác tư pháp là một yếu tố tất yếu khi thực hiện quá trình tố tụng trong nước mà gắn với các vụ việc có yếu tố nước ngoài. Tuy nhiên nhận thức về vai trò vị trí của tương trợ tư pháp của các cơ quan tố tụng, cơ quan tư pháp còn hạn chế và chưa đồng bộ dẫn đến tình trạng khi xây dựng và ban hành các văn bản quy định pháp luật tố tụng các cơ quan không tính đến các đặc thù của hoạt động tương trợ đặc ra đối với quá trình tố tụng.

2. Những tồn tại, hạn chế về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại

Từ thực tiễn hoạt động tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại, có thể thấy một số khó khăn, vướng mắc còn tồn tại trong việc đàm phán, ký kết các hiệp định tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại như sau:

Đối với hoạt động đề xuất đàm phán điều ước quốc tế tương trợ tư pháp về dân sự, thương mại còn chưa có tính chủ động:

Điều 9 Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005 quy định: “Tòa án nhân dân tối cao, viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc chính phủ (sau đây gọi là cơ quan đề xuất) căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật, yêu cầu hợp tác quốc tế, chủ động đề xuất với chính phủ về việc đàm phán, ký điều ước quốc tế”. Theo quy định tư pháp năm 2007, ngoài Bộ tư pháp là cơ quan dẫn đầu mỗi thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự, thương mại thì việc thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự, thương mại còn được tiến hành bởi các cơ quan khác như: Bộ ngoại giao, tòa án nhân dân tối cao, tòa án nhân dân tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương, v.v.. Tuy nhiên, hành động đề xuất đàm phán, ký các hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự, thương mại từ trước đến nay do bộ tư pháp đề xuất. Như vậy, hiện nay, chưa có cơ chế rõ ràng trong việc phối hợp cung cấp thông tin và nhu cầu đàm phán, ký kết các hiệp định trong lĩnh vực này thường xuyên do Bộ tư pháp với những nước cụ thể để bảo đảm sát với nhu cầu thực tế và tính chủ động trong đàm phán.

Hoạt động đề xuất đàm phán, ký hiệp định tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại với nước ngoài gặp phải những khó khăn nhất định do một

bên không có nhu cầu do bản thân nước đó đã tham gia các thiết chế đa phương có liên quan, mặc dù trong nhiều trường hợp Việt Nam muốn được đàm phán, ký hiệp định tương trợ tư pháp. Nhìn chung với những nước phát sinh nhiều yêu cầu ủy thác tư pháp về dân sự, thương mại, Việt Nam có chủ động đề xuất với đối tác đó để ký hiệp định song phương.

Quá trình đàm phán nhiều hiệp định tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại kéo dài và chậm đưa đến một thỏa thuận chung trong dự thảo hiệp định. Ví dụ: Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự mà Việt Nam đang đàm phán với liên hiệp vương quốc Anh và Bắc Ailen được khởi động đàm phán từ năm 2008 tại Hà Nội, kết thúc đàm phán vòng đầu tiên, nhiều điểm trong dự thảo hiệp định do phía Việt Nam chuẩn bị không được phía liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ailen chấp nhận. Liên quan đến hiệp định này, vấn đề công nhận và thi hành không thuộc thẩm quyền đàm phán của EU, liên hiệp vương quốc Anh và Bắc Ailen phải tuân theo các quyết định của EU, vấn đề hôn nhân và gia đình không thuộc phạm vi điều chỉnh của hiệp định. Theo các hiệp định tương trợ tư pháp mà Việt Nam đã ký thì tương trợ tư pháp bao gồm cả hôn nhân, gia đình cũng như vấn đề công nhận và thi hành.

Ngoài ra, có trường hợp việc đàm phán hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự đối với Hàn Quốc cũng là một ví dụ nổi bật khi hai bên đã tiến hành hai vòng đàm phán về hiệp định nhưng chưa thống nhất được khá nhiều nội dung như công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của tòa án nước ngoài và quyết định của trọng tài nước ngoài, vấn đề triệu tập người làm chứng, người giám định, các quy định về miễn giảm án phí v.v...

Ngoài những điểm mới của Hiến pháp năm 2013 về ký kết, thực hiện điều ước quốc tế như đã đề cập ở trên, luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2007 cũng có những quy định chưa đảm bảo thuận lợi cho hoạt động đàm phán ký kết hiệp định tương trợ tư pháp song phương trong lĩnh vực dân sự, thương mại.

Theo quy định tại điều 20 Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, điều ước quốc tế phải được thẩm định trước khi trình chính phủ về việc đàm phán, ký kết. Như vậy, việc thẩm định phải được tiến hành trước thời điểm tổ chức vòng đàm phán thứ nhất. Tuy nhiên, quy định này chỉ phù hợp đối với việc đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế song phương như các hiệp định

tương trợ tư pháp thì cần áp dụng quy trình khác vì trên thực tế, chỉ sau khi kết thúc vòng đàm phán đầu tiên, các bên mới có thể nắm được tương đối đầy đủ, sâu sắc quan điểm của bên kia về việc đàm phán, ký kết cũng như về các nội dung cơ bản của dự thảo điều ước quốc tế. Trong nhiều trường hợp dự thảo điều ước quốc tế sau vòng đàm phán thứ nhất có nội dung khác hơn nhiều so với dự thảo điều ước quốc tế được chuẩn bị để trình Chính phủ về việc đàm phán, ký điều ước quốc tế. Việc tiến hành thẩm định trước vòng đàm phán thứ nhất sẽ hạn chế tính chủ động linh hoạt của đoàn đàm phán, đặc biệt là trong trường hợp có khác biệt cơ bản về quan điểm xây dựng dự thảo giữa Việt Nam và đối tác nước ngoài. Chính vì vậy, cần hoàn thiện hệ thống pháp luật trong nước nhằm khắc phục những hạn chế gây khó khăn cho hoạt động đàm phán, ký các hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự, thương mại đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Cần những giải pháp nhằm bảo đảm việc thực hiện trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động ký kết, gia nhập điều ước quốc tế tương trợ tư pháp về dân sự, thương mại cũng là một trong những vấn đề quan trọng. Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005 quy định Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội, Bộ ngoại giao và các cơ quan nhà nước có liên quan trách nhiệm nhất định trong quá trình đàm phán, ký và thực hiện điều ước quốc tế trong đó có điều ước quốc tế tương trợ tư pháp về vấn đề dân sự, thương mại. Tuy nhiên, các quy định này chưa được thực hiện một cách thực sự hiệu quả trên thực tế. Liên quan đến trách nhiệm của các cơ quan trong hoạt động ký kết điều ước quốc tế, Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005 xác định trách nhiệm của Bộ Ngoại giao trong việc thực hiện quản lý nhà nước về ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế gồm: chủ trì hoặc phối hợp soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật về ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế; chủ trì tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thi hành pháp luật về ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế; trình Chính phủ kế hoạch dài hạn và kế hoạch hằng năm về việc ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế; báo cáo Chính phủ theo quy định hằng năm hoặc theo yêu cầu, báo cáo chủ tịch nước theo yêu cầu về hoạt động ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế; hoàn thành các thủ tục đối ngoại liên quan đến ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế; hoàn thành các thủ tục đối ngoại để bảo vệ quyền và lợi ích của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong trường hợp bên ký

kết nước ngoài phạm vi điều ước quốc tế; trực tiếp tham gia phục vụ hoạt động ký kết gia nhập điều ước quốc tế trong chuyến thăm của Đoàn cấp cao Việt Nam ở nước ngoài và của Đoàn cấp cao nước ngoài tại Việt Nam; hợp tác quốc tế trong việc ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế theo thẩm quyền hoặc theo sự phân công của Chính phủ; tổ chức lưu trữ lưu chiểu, sao lục công bố và đăng ký điều ước quốc tế; chủ trì hoặc phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam làm thành viên; thống kê, rà soát điều ước quốc tế mà cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập;

Trách nhiệm của cơ quan đề xuất, nhiệm vụ của các cơ quan đề xuất cũng được quy định chi tiết và cụ thể tại Điều 99 Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005. Tuy nhiên, một số trách nhiệm vẫn chưa được các cơ quan đề xuất thực hiện bài bản, như: “xây dựng kế hoạch dài hạn, kế hoạch hằng năm về hoạt động ký kết gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình gửi Bộ Ngoại giao để tổng hợp trình Chính phủ, kế hoạch hằng năm được gửi đến Bộ Ngoại giao chậm nhất vào ngày 15 tháng 10 năm trước” và “xây dựng báo cáo về tình hình ký kết, ngày gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình gửi Bộ Ngoại giao để tổng hợp trình chính phủ chậm nhất vào ngày 15 tháng 11 hằng năm. Báo cáo của cơ quan đề xuất được xây dựng theo mẫu do Bộ ngoại giao quy định”.

3. Nguyên nhân của những tồn tại vướng mắc

Mặc dù các Bộ, ngành đã có nhiều cố gắng nhưng hoạt động tương trợ tư pháp vẫn còn những tồn tại, bất cập như đã nêu trên và ở chừng mực nào đó chưa theo kịp yêu cầu khách quan của sự phát triển nhanh chóng của quan hệ quốc tế. Thực trạng này có nhiều nguyên nhân, trong đó có những nguyên nhân từ thể chế, như sự bất cập của các quy định trong luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, luật tương trợ tư pháp năm 2007, từ nhận thức của các cấp, các ngành về vai trò và tầm quan trọng của việc ký kết, gia nhập điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp. Đồng thời, đặc thù của hoạt động tương trợ tư pháp là gắn với pháp luật và thực tiễn tố tụng trong nước, các quy định của điều ước quốc tế và phụ thuộc vào thể chế và sự hợp tác của phía đối tác nước ngoài, do vậy, trong thời gian ngắn không thể giải quyết toàn diện và triệt

để những hạn chế bắt cập mà cần có lộ trình thời gian để từng bước khắc phục nguyên nhân của tồn tại, vướng mắc cụ thể như sau:

- **Về thể chế:** Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005 còn tồn tại nhiều quy định chưa thuận lợi cho công tác ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước trong lĩnh vực tương trợ tư pháp. Sự vướng mắc này ở các quy định từ khâu đề xuất đàm phán, gia nhập, đến việc kiểm định ký kết, gia nhập cũng như phê chuẩn, phê duyệt điều ước quốc tế. Thậm chí, cho đến nay, khi Hiến pháp năm 2013 có hiệu lực thì luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005 có nhiều điểm không phù hợp với Hiến pháp năm 2013.

Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 chưa quy định rõ về thẩm quyền, trách nhiệm cơ chế phối hợp và đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong hoạt động tương trợ tư pháp. Việc thiếu cơ sở pháp lý này đã làm hạn chế hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước với hoạt động tương trợ tư pháp. Điều này càng bắt cập trong bối cảnh bộ tư pháp - cơ quan giúp Chính phủ thống nhất thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tương trợ tư pháp, trong đó có cả tương trợ tư pháp về hình sự thuộc thẩm quyền của viện kiểm sát nhân dân tối cao, lĩnh vực dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù thuộc thẩm quyền của Bộ công an lại không có chức năng quản lý hệ thống tư pháp tương tự như Bộ tư pháp các nước trên thế giới. Do vậy, thực tiễn đàm phán các điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp cho thấy, khi đàm phán, phía Việt Nam có ba cơ quan khác nhau làm đầu mối, trong khi đó phía nước ngoài chỉ có một cơ quan đầu mối và thường là Bộ Tư Pháp.

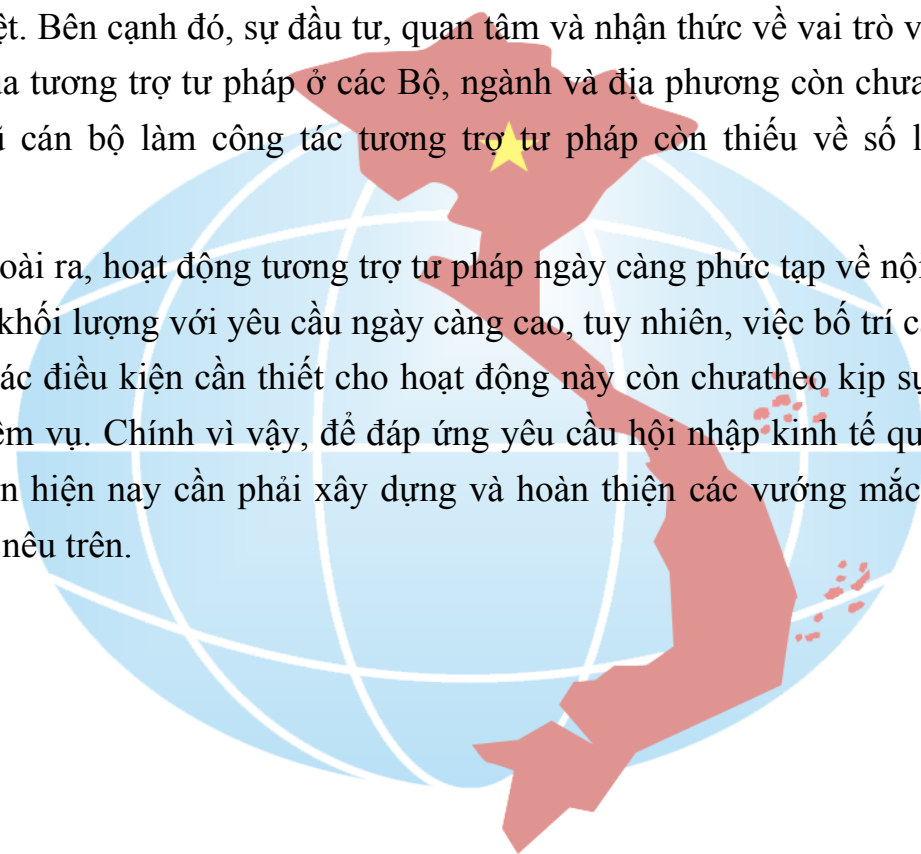
Đối với hoạt động thực tế đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại thì nguyên nhân chính chưa hạn chế, bắt cập trong công tác đàm phán, ký kết và thực thi các điều ước về tương trợ tư pháp xét ở các khía cạnh sau:

- **Xét về chủ khách quan:** hoạt động đàm phán, ký kết điều ước quốc tế phụ thuộc khá lớn vào thiện chí và nhu cầu của nước đối tác. Trong nhiều trường hợp, phía Việt Nam có mong muốn được đàm phán, ký kết điều ước quốc tế nhưng phía nước ngoài không có nhu cầu do nhiều nước đã tham gia các thiết chế đa phương có liên quan. Điều này cho thấy việc nghiên cứu, gia nhập thiết chế đa phương có nội dung về tương trợ tư pháp là rất cần thiết đối với Việt Nam trong bối cảnh hiện nay. Hầu hết các hiệp định được ký trước khi Luật

tương trợ tư pháp năm 2007 được ban hành đều không có cơ chế để rà soát, đánh giá và rút kinh nghiệm việc triển khai hiệp định làm hạn chế hiệu quả thực thi hiệp định.

- **Xét về chủ quan:** mặc dù đã có chủ trương tiến hành nhưng công tác tự rà soát, đánh giá thực thi các hiệp định tương trợ tư pháp đã ký với các nước, đặc biệt là các nước xã hội chủ nghĩa trước đây để từ đó, rút ra những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện nhưng các Bộ ngành vẫn chưa triển khai quyết liệt. Bên cạnh đó, sự đầu tư, quan tâm và nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của tương trợ tư pháp ở các Bộ, ngành và địa phương còn chưa đồng đều. Đội ngũ cán bộ làm công tác tương trợ tư pháp còn thiếu về số lượng, chất lượng.

Ngoài ra, hoạt động tương trợ tư pháp ngày càng phức tạp về nội dung, gia tăng về khối lượng với yêu cầu ngày càng cao, tuy nhiên, việc bố trí cán bộ, kinh phí và các điều kiện cần thiết cho hoạt động này còn chưa theo kịp sự phát triển của nhiệm vụ. Chính vì vậy, để đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế trong giai đoạn hiện nay cần phải xây dựng và hoàn thiện các vướng mắc, tồn tại và hạn chế nêu trên.



TTBD ĐBDC